

Bản án số: 32/2024/KDTM-PT

Ngày 11-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Bà Trần Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLPT-KDTM ngày 11/6/2024 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH H1; địa chỉ: số G, Đ, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Phi H, sinh năm 1982; địa chỉ: A đường P, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: số B, khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: 3, đường P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2024); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty TNHH H1; Bị đơn Công ty TNHH S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn – ông Lê Phi H trình bày:

Công ty TNHH H1 (gọi tắt là Công ty H1) và Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) có thỏa thuận mua bán nguyên liệu sơn theo quy cách, số lượng, đơn giá và thời gian giao hàng được thể hiện theo từng đơn hàng cụ thể, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau 30 ngày kể từ ngày giao hàng.

Từ năm 2016, Công ty H1 nhiều lần giao hàng cho Công ty S và đã xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) số: 0002323, 0002381, 0002390, 0002420, 0002427, 0002428, 0002497, 0000038, 0000057. Đến ngày 30/11/2019, Công ty H1 và Công ty S ký biên bản xác nhận công nợ còn lại của Công ty S là 335.058.231 đồng; do điều kiện khó khăn, ngày 02/12/2019, Công ty S gửi văn bản xin gia hạn thanh toán thành năm đợt, cụ thể: Ngày 11/12/2019 thanh toán 80.000.000 đồng; ngày 11/01/2020 thanh toán 80.000.000 đồng, ngày 11/02/2020 thanh toán 50.000.000 đồng, ngày 11/3/2020 thanh toán 60.000.000 đồng, ngày 11/4/2020 thanh toán 65.058.231 đồng.

Tuy nhiên, Công ty S chỉ thanh toán tiền hàng là 190.727.116 đồng, còn nợ số tiền 160.058.231 đồng.

Công ty H1 khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán tiền nợ gốc là 160.058.231 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 214.989.334 đồng.

Đến ngày 10/4/2024, Công ty S tiếp tục thanh toán cho Công ty H1 số tiền gốc 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 130.058.231 đồng.

Bị đơn Công ty S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2024/KDTM-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H1.

Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H1 số tiền nợ 130.058.231 (một trăm ba mươi triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi mốt) đồng và tiền lãi 114.836.765 (một trăm mười bốn triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H1 về việc yêu cầu Công ty TNHH S trả tiền lãi 104.941.830 đồng (một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, tám trăm ba mươi đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 07/5/2024, nguyên đơn Công ty TNHH H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng buộc Công ty TNHH S phải trả thêm số tiền lãi chậm trả là 104.941.830 đồng.

Ngày 10/5/2024, bị đơn Công ty S kháng cáo bản án sơ thẩm và trình bày: Ngày 08/5/2024, Công ty S đã thanh toán hết số tiền nợ còn lại 130.058.231 đồng cho Công ty H1; không đồng ý trả lãi chậm thanh toán cho Công ty H1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Công ty H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn thừa nhận sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn đã chuyển trả đủ số tiền gốc còn nợ 130.058.231 đồng.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn như quyết định của bản án sơ thẩm;

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty H1 nộp đơn khởi kiện bổ sung với yêu cầu bị đơn Công ty S phải trả thêm tiền phạt 322.484.000 đồng do vi phạm hợp đồng sau khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét; Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là đúng quy định. Nguyên đơn không kháng cáo nội dung này của bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn Công ty H1 và bị đơn Công ty S có thỏa thuận mua bán hàng hóa là nguyên liệu sơn (dùng trong ngành gỗ); hai bên không có hợp đồng cụ thể, đại diện nguyên đơn trình bày là hai bên có trao đổi rằng mỗi lần giao nhận hàng, xuất hóa đơn thì Công ty S thanh toán trong thời hạn 30 ngày kể từ

ngày xuất hóa đơn; đại diện bị đơn không thừa nhận hai bên có thỏa thuận thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Ngày 30/11/2019, hai bên ký văn bản “Đối chiếu công nợ” có nội dung: Công ty S còn nợ Công ty H1 số tiền 355.058.231 đồng, công nợ quá hạn; văn bản không có nội dung công nợ quá hạn từ thời điểm nào.

Ngày 02/12/2019, Công ty S gửi văn bản cho Công ty H1 xin gia hạn thanh toán số tiền 355.058.231 đồng làm 05 lần, từ ngày 11/12/2019 đến 11/04/2020; Công ty H1 ký xác nhận nhưng không ghi nội dung đồng ý hay không đồng ý và không có nội dung về tiền lãi chậm thanh toán.

[2.2] Do đó, khi Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng văn bản “Đối chiếu công nợ” ngày 30/11/2019 và văn bản xin gia hạn trả nợ ngày 02/12/2019 thì phải có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán cho Công ty H1 trên số nợ gốc 355.058.231 đồng; kháng cáo của bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn là không đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán sau ngày 30/11/2019 là có căn cứ; nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tính lãi trên từng hóa đơn sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn nhưng không chứng minh có sự thỏa thuận giữa hai bên về thời hạn tính lãi nên không có căn cứ để xem xét.

[2.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 130.058.231 đồng, do đó nghĩa vụ trả nợ theo án sơ thẩm sẽ được khấu trừ vào số tiền đã trả nhưng bị đơn vẫn phải chịu án phí theo bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH H1 và kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH S.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H1.

Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H1 số tiền nợ 130.058.231 đồng (một trăm ba mươi triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi một đồng).

Nghĩa vụ trả nợ số tiền 130.058.231 đồng (một trăm ba mươi triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm ba mươi một đồng) đã được Công ty TNHH S thực hiện xong vào ngày 08/5/2024.

2.2. Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả lãi cho Công ty TNHH H1 số tiền 114.836.765 đồng (một trăm mười bốn triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H1 về việc yêu cầu Công ty TNHH S trả số tiền lãi 104.941.830 đồng (một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm ba mươi đồng).

3. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu án phí sơ thẩm là 12.254.749 đồng (mười hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Công ty TNHH H1 phải chịu 5.247.091 đồng (năm triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi một đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.237.513 đồng (chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu số 0001748 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1 trả lại cho Công ty TNHH H1 số tiền 3.990.422 đồng (ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng).

4. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH S phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001486 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH H1 phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001444 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T1;
- TAND thành phố T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa K.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa